

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

(Ban hành theo Quyết định số 640/QĐ-ĐHTB ngày 14 tháng 12 năm 2019
của Hiệu trưởng trường Đại học Thái Bình)

Tên chương trình:	Kinh tế
Trình độ đào tạo:	Đại học
Ngành đào tạo:	Kinh tế; Mã ngành: 7310101
Tên tiếng Anh:	Economics
Chuyên ngành đào tạo:	Quản lý kinh tế
Hình thức đào tạo:	Chính qui

I. CHƯƠNG TRÌNH KHUNG

1. Mục tiêu

1.1 Mục tiêu kiến thức:

MT1: Kiến thức cơ bản, kiến thức cơ sở ngành

- Có nền tảng kiến thức giáo dục đại cương theo chuẩn chương trình đào tạo Quốc gia ngành kinh tế do Bộ GD&ĐT ban hành;
- Có hệ thống kiến thức cơ bản về kinh tế, quản lý kinh tế hiện đại;
- Có hiểu biết rộng về lý luận và thực tiễn kinh tế thị trường trong nước và trên thế giới.

MT2: Kiến thức chuyên ngành

- Nắm vững kiến thức chuyên sâu về kinh tế, quản lý trên cấp độ nền kinh tế, ngành và lĩnh vực tương ứng với chuyên ngành đào tạo;
- Nắm vững các phương pháp, công cụ phân tích, hoạch định và tổ chức thực hiện các chiến lược, quy hoạch, kế hoạch, chính sách và chương trình - dự án phát triển kinh tế - xã hội trên phạm vi nền kinh tế, ngành, lĩnh vực và địa phương.

1.2 Mục tiêu kỹ năng:

MT3: Kỹ năng chung

Trang bị những kỹ năng nhằm phát triển các năng lực cá nhân phù hợp với môi trường công việc kinh doanh, sáng tạo và năng động; thể hiện đạo đức nghề nghiệp, tính trung thực và làm việc có trách nhiệm.

MT4: Kỹ năng chuyên ngành

- Có kỹ năng vận dụng hệ thống kiến thức được trang bị để phân tích, hoạch định và tổ chức thực hiện các chiến lược, quy hoạch, kế hoạch, chính sách và chương trình - dự án phát triển kinh tế - xã hội trên phạm vi nền kinh tế, ngành, lĩnh vực và địa phương;

- Có kỹ năng phân tích, hoạch định và tổ chức thực hiện các nhiệm vụ được giao trong lĩnh vực kinh tế - xã hội;
- Có bản lĩnh nghề nghiệp, có khả năng thích ứng linh hoạt trước diễn biến của thực tiễn;
- Có kỹ năng xác định và giải quyết vấn đề trong phạm vi chuyên môn, sáng tạo trong công việc;
- Có khả năng cập nhật kiến thức, độc lập nghiên cứu và tự học để đáp ứng yêu cầu của công việc.

1.3 Mục tiêu mức độ tự chịu trách nhiệm:

MT5: Tư tưởng, chính trị

Có lập trường tư tưởng chính trị vững vàng, có đạo đức, có trách nhiệm xã hội, có năng lực công tác và hoạch định phát triển bản thân.

MT6: Trách nhiệm và nghĩa vụ của làm chuyên môn

Có bản lĩnh nghề nghiệp, có khả năng thích ứng linh hoạt trước diễn biến của thực tiễn;

2. Chuẩn đầu ra (theo quy định tại Thông tư 07/2015)

2.1. Yêu cầu về kiến thức:

a. Kiến thức khoa học xã hội, chính trị, tư tưởng

- Có kiến thức cơ bản về kinh tế, chính trị, văn hóa, xã hội và pháp luật
- Có nền tảng kiến thức giáo dục đại cương theo chuẩn chương trình đào tạo Quốc gia ngành kinh tế do Bộ GD&ĐT ban hành.

b. Kiến thức cơ bản. cơ sở ngành

- Nắm vững hệ thống kiến thức cơ bản về kinh tế, quản lý
- Hiểu biết rộng về lý luận và thực tiễn kinh tế thị trường trong nước và trên thế giới.
- Phân tích được các vấn đề lý luận và thực tiễn về kinh tế học vào thực tiễn nghiên cứu kinh tế.
- Vận dụng được quy trình và phương pháp đánh giá, thống kê các chỉ tiêu kinh tế trong các báo cáo, nghiên cứu kinh tế

c. Kiến thức tin học, ngoại ngữ

- Đạt năng lực ngoại ngữ bậc 3 theo Khung năng lực Ngoại ngữ 6 bậc Việt Nam do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành
- Sử dụng hiệu quả các công cụ và phương tiện hiện đại, phần mềm chuyên dụng (Microsoft Office, SPSS, ERP, Email, EDI...) trong công việc đạt Chuẩn kỹ năng sử dụng CNTT cơ bản theo Thông tư 03/2014/TT-BTTTT.

d. Kiến thức liên ngành

Có kiến thức quản trị tài chính và kế toán để giải quyết các vấn đề kinh tế và quản lý.

e. Kiến thức thực tế về quản lý, nguyên tắc và phương pháp lập kế hoạch, tổ chức thực hiện và giám sát, đánh giá các quá trình thực hiện trong phạm vi của ngành đào tạo

- Có kiến thức và khả năng tư duy hệ thống trong giải quyết các vấn đề quản lý trong tổ chức

- Có kiến thức cơ bản về quản lý, xây dựng tổ chức, phân phối và khách hàng.

- Có kiến thức luật pháp trong quản lý kinh doanh và các quy tắc về đạo đức nghề nghiệp.

- Khả năng ứng dụng kiến thức để phản biện và xây dựng chiến lược phát triển đơn vị

Khả năng ứng dụng kiến thức để hoạch định và tổ chức hoạt động quản lý kinh doanh

f.Kiến thức chuyên ngành

Phân tích được các vấn đề của Kinh tế và Quản lý trong giai đoạn quá độ lên CNXH và phát triển nền kinh tế thị trường có nhiều thành phần sở hữu.

g.Kiến thức chuyên ngành

Nhận định và xử lý chính xác các vấn đề Kinh tế và Quản lý trong thực tế vận động của nền kinh tế.

h.Kiến thức chuyên ngành

Vận dụng được các quy trình lập kế hoạch và tổ chức sản xuất các sản phẩm truyền thông gắn với kinh tế và quản lý.

2.2. Yêu cầu về kỹ năng:

2.2.1 Kỹ năng cứng:

a.Kỹ năng nhận thức

Có bản lĩnh nghề nghiệp, có khả năng thích ứng linh hoạt trước diễn biến của thực tiễn;

b.Kỹ năng nghiên cứu

Có khả năng nghiên cứu và khám phá kiến thức để phát triển và thử nghiệm những giải pháp mới

c.Kỹ năng vận dụng

Có kỹ năng vận dụng hệ thống kiến thức được trang bị để phân tích, hoạch định và tổ chức thực hiện các chiến lược, quy hoạch, kế hoạch, chính sách và chương trình - dự án phát triển kinh tế - xã hội trên phạm vi nền kinh tế, ngành, lĩnh vực và địa phương;

d.Kỹ năng tổng hợp, phân tích đánh giá vấn đề

Có kỹ năng xác định và giải quyết vấn đề trong phạm vi chuyên môn, sáng tạo trong công việc;

e.Kỹ năng học, tự học

- Có ý thức tham gia vào các hoạt động rèn luyện sức khỏe, trí tuệ và tinh thần

- Có khả năng xây dựng mục tiêu cá nhân với sự phát triển nghề nghiệp

- Có khả năng cập nhật kiến thức, độc lập nghiên cứu và tự học để đáp ứng yêu cầu của công việc.

f.Kỹ năng chuyên môn

- Kỹ năng thu thập và xử lý thông tin số liệu; sáng tạo, phát hiện vấn đề kinh tế; trình bày các vấn đề kinh tế và quản lý hiệu quả thông qua các phương tiện phù hợp.

g. Kỹ năng chuyên môn

- Kỹ năng sử dụng công cụ, trang thiết bị, phần mềm trong trình bày và phân tích, dự báo kinh tế.

- Kỹ năng lập kế hoạch và tổ chức thực hiện các hoạt động kinh tế.

2.2.2 Kỹ năng mềm:

a. Kỹ năng làm việc hiệu quả, khoa học

Kỹ năng làm việc theo nhóm để giải quyết vấn đề sáng tạo: Khả năng xác định và phân tích những tình huống phức tạp, đưa ra nhiều phương án lựa chọn để xử lý các vấn đề.

b. Kỹ năng trình bày, thuyết trình

Có kỹ năng trình bày, thuyết trình một vấn đề nghiên cứu hiệu quả

c. Kỹ năng giao tiếp, ứng xử

Kỹ năng giao tiếp sử dụng ngôn ngữ lời nói và văn bản một cách trôi chảy, chuẩn xác, hiệu quả.

2.3. Yêu cầu về năng lực tự chủ và trách nhiệm

a. Phẩm chất đạo đức, sức khỏe

Có sức khỏe tốt, sẵn sàng đương đầu với khó khăn, áp lực và chấp nhận rủi ro, kiên trì, linh hoạt, tự tin, chăm chỉ, nhiệt tình, say mê có tinh thần tìm tòi và khám phá, tự chủ, chính trực, phản biện, sáng tạo

b. Động cơ thái độ làm việc

- Có đạo đức và trách nhiệm nghề nghiệp; tôn trọng và chấp hành pháp luật; có ý thức tổ chức kỷ luật; năng động, nhiệt tình và có tinh thần hợp tác trong công việc;

- Có ý thức cộng đồng và trách nhiệm công dân.

c. Nhận thức ngành nghề, tác phong

Có đạo đức nghề nghiệp, chấp hành nghiêm chỉnh quy chế làm việc của tổ chức, hành vi và ứng xử chuyên nghiệp, thái độ tích cực trong công việc, có tinh thần hợp tác tốt với các đồng nghiệp trong quá trình làm việc, độc lập, chủ động, ...;

2.4. Vị trí việc làm của người học sau khi tốt nghiệp

- Cán bộ quản lý kinh tế tại các cơ quan nhà nước và các tổ chức kinh tế - xã hội từ trung ương đến địa phương, các loại hình doanh nghiệp; Nghiên cứu viên hoặc nhân viên tư vấn trong các tổ chức tư vấn trong nước và quốc tế.

- Nghiên cứu viên trong các viện nghiên cứu kinh tế, giảng viên trong các trường đại học.

2.5. Khả năng học tập, nâng cao trình độ sau khi ra trường

- Cử nhân ngành kinh tế có khả năng học tập chuyển đổi và phát triển ngành nghề rộng;

- Có khả năng học tập nâng cao trình độ ở bậc sau đại học trong nước và quốc tế.

2.6 Các chương trình, tài liệu, chuẩn quốc tế mà khoa tham khảo:

- Luật Giáo dục ngày 18 tháng 6 năm 2012; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục ngày 19 tháng 11 năm 2018;

- Quyết định số 4286/QĐ-BGDĐT ngày 25 tháng 6 năm 2009 của Bộ Giáo dục và Đào tạo cho phép Trường đại học Thái Bình đào tạo trình độ đại học, hệ chính quy.

- Nghị định số 75/2006/NĐ-CP ngày 02 tháng 8 năm 2006 của Chính phủ về việc Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Giáo dục.

- Thông tư số 07/2015/TT-BGDĐT ngày 16/4/2015 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc Ban hành Quy định về khối lượng kiến thức tối thiểu, yêu cầu về năng lực mà người học đạt được sau khi tốt nghiệp đối với mỗi trình độ đào tạo của giáo dục đại học và quy trình xây dựng, thẩm định, ban hành chương trình đào tạo trình độ đại học, thạc sĩ, tiến sĩ.

- Quyết định số 1982/QĐ-TTg ngày 18/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ về Phê duyệt khung trình độ quốc gia Việt Nam.

- Quyết định số 01/2017/QĐ-TTg ngày 17/1/2017 của Thủ tướng Chính phủ về Ban hành danh mục giáo dục, đào tạo của hệ thống giáo dục quốc dân.

- Đối chiếu, so sánh, tham khảo và vận dụng chương trình đào tạo ngành Quản trị kinh doanh của trường Đại học Kinh tế quốc dân, Đại học Thương Mại, Học viện Tài chính, Học viện Nông nghiệp Việt Nam,...

2.7. Ma trận mối quan hệ giữa mục tiêu đào tạo và chuẩn đầu ra

CHUẨN ĐẦU RA		MỤC TIÊU ĐÀO TẠO							
		MT1	MT2	MT3	MT4	MT5	MT6		
Kiến thức	a	x	x						
	b	x	x						
	c			x		x			
	d	x		x					
	e		x	x	x				
	f	x	x	x	x				
	h		x		x	x	x		
	Kỹ năng	Cứng	a	x					
b				x	x	x			
c				x		x	x		
d				x		x		x	
e				x		x		x	
f						x		x	
g						x		x	
Mềm		a				x		x	
		b				x		x	
		c				x			
		d				x			
		e	x			x			
		Thái độ	a					x	x
			b	x				x	x
c						x	x		
Cơ hội công việc	a		x			x	x		
	b		x		x		x		

MA TRẬN MỐI QUAN HỆ GIỮA CÁC HỌC PHẦN VÀ CHUẨN ĐẦU RA																						
CÁC HỌC PHẦN TRONG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO		CHUẨN ĐẦU RA																				
		Kiến thức								Kỹ năng								Thái độ			Vị trí CV	
										Cứng				Mềm								
		a	b	c	d	e	f	g	h	a	b	c	d	e	f	g	a	b	c	a	b	
1. Khối kiến thức giáo dục đại cương																						
1.1. Lý luận chính trị																						
1	Triết học Mác-Lênin	x							x				x					x				
2	Kinh tế chính trị Mác-Lênin	x	x						x				x					x				
3	Chủ nghĩa XHKH	x							x				x					x				
4	Lịch sử Đảng CSVN	x							x				x					x				
5	Tư tưởng Hồ Chí Minh	x							x									x				
1.2. Khoa học tự nhiên - Môi trường																						
6	Toán cao cấp	x											x					x				
7	Lý thuyết xác suất và thống kê toán	x	x										x					x				
8	Tin học đại cương	x		x									x					x				
9	Kinh tế môi trường		x										x					x				
1.3. Khoa học xã hội																						
10	Pháp luật đại cương	x											x					x				
11	Tâm lý học đại cương	x											x					x				
Các môn tự chọn (Chọn 1 trong 2 môn)																						
12	Kỹ năng giao tiếp và đàm phán			x					x				x				x	x	x			
13	Đạo đức kinh doanh và văn hóa DN								x				x						x			
1.4. Ngoại ngữ																						

MA TRẬN MỐI QUAN HỆ GIỮA CÁC HỌC PHẦN VÀ CHUẨN ĐẦU RA																								
CÁC HỌC PHẦN TRONG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO		CHUẨN ĐẦU RA																						
		Kiến thức								Kỹ năng									Thái độ			Vị trí CV		
										Cứng						Mềm								
		a	b	c	d	e	f	g	h	a	b	c	d	e	f	g	a	b	c	a	b	c	a	b
14	Ngoại ngữ 1 (Tiếng Anh CB1 hoặc Tiếng Nhật CB1)			x										x										
15	Ngoại ngữ 2 (Tiếng Anh CB2 hoặc Tiếng Nhật CB2)			x										x										
1.5. Giáo dục thể chất và giáo dục quốc phòng																								
16	Giáo dục thể chất 1													x										x
17	Giáo dục thể chất 2													x										x
18	Giáo dục thể chất 3													x										x
19	Giáo dục quốc phòng													x										x
2. Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp																								
2.1. Kiến thức cơ sở khối ngành																								
20	Kinh tế vi mô		x							x		x		x										x
21	Kinh tế vĩ mô		x							x		x		x										x
2.2. Kiến thức cơ sở của ngành																								
22	Kinh tế lượng		x		x									x										x
23	Nguyên lý thống kê		x									x		x										x
24	Lý thuyết tài chính tiền tệ		x		x									x										x
25	Toán kinh tế		x		x									x										x
26	Luật kinh tế		x		x					x				x										x
2.3. Kiến thức ngành																								
27	Marketing căn bản				x	x				x	x				x	x					x	x	x	x

MA TRẬN MỐI QUAN HỆ GIỮA CÁC HỌC PHẦN VÀ CHUẨN ĐẦU RA																							
CÁC HỌC PHẦN TRONG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO		CHUẨN ĐẦU RA																					
		Kiến thức								Kỹ năng									Thái độ			Vị trí CV	
										Cứng						Mềm							
		a	b	c	d	e	f	g	h	a	b	c	d	e	f	g	a	b	c	a	b	c	
28	Hệ thống thông tin quản lý				x		x						x	x					x			x	
29	Kinh tế quốc tế		x		x								x			x	x	x	x			x	
30	Kinh tế công cộng				x								x			x	x	x	x			x	
31	Tâm lý học quản lý				x								x			x	x	x	x			x	
Các môn tự chọn (Chọn 1 trong 2 môn)																							
32	Thuế Nhà nước			x	x								x						x			x	
33	Thị trường chứng khoán			x	x								x						x			x	
2.4. Kiến thức chuyên ngành																							
34	Khoa học quản lý học phần 1				x	x	x	x	x		x		x	x	x	x	x	x	x				
35	Khoa học quản lý học phần 2				x	x	x	x	x		x		x	x	x	x	x	x	x				
36	Quản lý nhà nước về kinh tế				x	x	x	x	x		x		x	x	x	x	x	x	x			x	
37	Chính sách kinh tế xã hội				x	x	x	x	x		x		x	x	x	x	x	x	x			x	
38	Kinh tế phát triển				x	x	x	x	x				x	x	x	x	x	x	x				
39	Kinh tế đầu tư				x	x	x	x	x				x	x	x	x	x	x	x				
40	Kỹ năng quản lý và làm việc nhóm				x	x	x	x	x		x		x	x	x	x	x	x	x			x	
41	Chuyên đề thực tế					x	x	x	x		x		x	x	x	x	x	x	x				
Các môn tự chọn (Chọn 1 trong 2 môn)																							
42	Chiến lược phát triển KT-XH				x	x	x	x	x				x	x	x	x	x		x			x	
43	Quản lý HC Công				x	x	x	x					x	x	x	x	x		x				
2.5. Kiến thức bổ trợ của ngành																							

MA TRẬN MỐI QUAN HỆ GIỮA CÁC HỌC PHẦN VÀ CHUẨN ĐẦU RA																									
CÁC HỌC PHẦN TRONG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO		CHUẨN ĐẦU RA																							
		Kiến thức								Kỹ năng									Thái độ			Vị trí CV			
										Cứng						Mềm									
		a	b	c	d	e	f	g	h	a	b	c	d	e	f	g	a	b	c	a	b				
44	Ngoại ngữ CN (Tiếng Anh CN hoặc Tiếng Nhật CN)			x						x					x								x		
45	Nguyên lý kế toán				x										x								x		
46	Tin ứng dụng			x											x								x		
47	Phương pháp nghiên cứu trong quản lý kinh tế				x	x				x					x			x					x		x
48	Quản lý tài chính công				x	x									x								x		x
49	Quản trị dự án đầu tư				x					x					x								x		x
Các môn tự chọn (Chọn 1 trong 2 môn)																									
50	Địa lý kinh tế Việt Nam				x										x								x		
51	Dân số và phát triển				x										x								x		
3. Thực tập cuối khoá và khóa luận tốt nghiệp																									
52	Thực tập cuối khoá						x			x							x	x							
53	Làm khóa luận tốt nghiệp (hoặc học một số học phần chuyên môn)							x		x							x	x							
Học phần thay thế Khóa luận tốt nghiệp																									
53a	Kinh tế nguồn nhân lực						x			x							x	x							x
53b	Kinh tế thương mại dịch vụ						x			x							x	x							x
53c	Kỹ năng lãnh đạo và ra quyết định						x			x							x	x							x

3. Thời gian đào tạo: 3-4 năm**4. Khối lượng kiến thức toàn khoá (Tính bằng tín chỉ)**

STT	KHỐI KIẾN THỨC	SỐ ĐVHT
1	Kiến thức giáo dục đại cương	35
2	Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp	80
	- Kiến thức cơ sở khối ngành và ngành	18
	- Kiến thức ngành (<i>Kể cả kiến thức chuyên ngành</i>)	45
	- Kiến thức bổ trợ	17
3	Thực tập và khóa luận tốt nghiệp	12
	Thực tập tốt nghiệp	5
	KLTN/ĐATN/Học phần thay thế KLTN/ĐATN	7
Cộng	(Chưa bao gồm Giáo dục Quốc phòng – An ninh & Giáo dục thể chất)	127

5. Đối tượng tuyển sinh

Học sinh tốt nghiệp THPT hoặc tương đương.

6. Quy trình đào tạo, điều kiện tốt nghiệp**6.1 Quy trình đào tạo**

Đào tạo theo hệ thống tín chỉ. Quy chế đào tạo thực hiện theo Quyết định số 17/VBHN-BGDĐT ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo Quy chế đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ. Quyết định số 337/QĐ – ĐHTB ngày 15 tháng 7 năm 2019 của trường Đại học Thái Bình ban hành “Quy chế đào tạo Đại học theo hệ thống tín chỉ tại trường Đại học Thái Bình”.

6.2 Điều kiện tốt nghiệp

Theo qui định tại Điều 27 của Quy chế đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ ban hành kèm theo Quyết định số 17/VBHN-BGDĐT ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo. Điều 29 của Quyết định số 337/QĐ- ĐHTB ngày 15 tháng 7 năm 2019 của trường Đại học Thái Bình ban hành “Quy chế đào tạo Đại học theo hệ thống tín chỉ tại trường Đại học Thái Bình”;

7. Cách thức đánh giá

Áp dụng thang điểm 10, thang điểm 4 và thang điểm chữ.

8. Nội dung chương trình

STT/ mã HP	Học phần	Nội dung cần đạt được của từng học phần (tóm tắt)	Khối lượng kiến thức (LT/TH/Tự học)	Ghi chú
1. Khối kiến thức giáo dục đại cương				
1.1. Lý luận chính trị				
1	Triết học Mác-Lênin	Trang bị cho sinh viên nội dung những kiến thức lý luận cơ bản nhất của CN Mác-Lênin thông qua học phần Triết học Mác-Lênin. Cụ thể: Nắm được thế giới quan và phương pháp luận khoa học của chủ nghĩa Mác-Lênin. Nắm được những khái niệm,	3(3,0,6)	

STT/ mã HP	Học phần	Nội dung cần đạt được của từng học phần (tóm tắt)	Khối lượng kiến thức (LT/TH/Tự học)	Ghi chú
		nội dung cơ bản của chủ nghĩa duy vật biện chứng và phép biện chứng duy vật, của lý luận nhận thức duy vật biện chứng và những quy luật chi phối sự vận động và phát triển của xã hội.		
2	Kinh tế chính trị Mác-Lênin	Trang bị cho sinh viên những tri thức cơ bản, cốt lõi của Kinh tế chính trị Mác-Lênin trong bối cảnh phát triển kinh tế của đất nước và thế giới ngày nay. Đảm bảo tính cơ bản, hệ thống, khoa học, cập nhật tri thức mới, gắn với thực tiễn, tính sáng tạo, kỹ năng, tư duy, phẩm chất người học, tính liên thông, khắc phục trùng lặp, tăng cường tích hợp và giảm tải, lược bớt những nội dung không còn phù hợp hoặc những nội dung mang tính kinh viện.	2(2,0,4)	
3	Chủ nghĩa XHKH	Trang bị cho sinh viên những tri thức cơ bản, cốt lõi nhất về Chủ nghĩa xã hội khoa học - một trong ba bộ phận cấu thành chủ nghĩa Mác-Lênin; các căn cứ lý luận khoa học để hiểu Cương lĩnh xây dựng đất nước, đường lối, chính sách xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam; lý giải và có thái độ đúng đắn với thực tiễn xã hội, có niềm tin vững chắc vào con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta.	2(2,0,4)	
4	Lịch sử Đảng CSVN	Sinh viên sẽ được tiếp cận về đối tượng, phương pháp nghiên cứu môn Đường lối cách mạng của Đảng cộng sản Việt Nam, sự ra đời của Đảng, đường lối đấu tranh giành chính quyền 1930 - 1945, đường lối kháng chiến chống thực dân Pháp, kháng chiến chống đế quốc Mỹ và đường lối thời kỳ đổi mới: đường lối công nghiệp hoá, đường lối xây dựng nền kinh tế thị trường định hướng XHCN, đường lối xây dựng hệ thống chính trị, đường lối văn hoá và giải quyết các vấn đề xã hội và đường lối đối ngoại.	2(2,0,4)	
5	Tư tưởng Hồ Chí Minh	- Điều kiện tiên quyết: Đã học học phần Triết học Mác-Lênin, Kinh tế chính trị Mác- Lênin, Chủ nghĩa xã hội khoa học - Nắm được những khái niệm, nội dung cơ bản của hệ thống tư tưởng Hồ Chí Minh về những vấn đề cơ bản của cách mạng	2(2,0,4)	

STT/ mã HP	Học phần	Nội dung cần đạt được của từng học phần (tóm tắt)	Khối lượng kiến thức (LT/TH/Tự học)	Ghi chú
		Việt Nam, từ cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân đến cách mạng xã hội chủ nghĩa, về xây dựng Đảng Cộng sản Việt Nam, xây dựng Nhà nước của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân, về xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân tộc và đoàn kết quốc tế, về đạo đức, nhân văn và văn hoá,....		
1.2. Khoa học tự nhiên - Môi trường				
6	Toán cao cấp	Trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản của Toán cao cấp như phép tính vi phân, tích phân hàm một biến số và ứng dụng trong phân tích kinh tế cũng như hình học; đại số tuyến tính (không gian véc tơ n chiều, định thức, ma trận, giải hệ phương trình tuyến tính,...). Trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản của Toán cao cấp như đại cương hàm số hai biến, cực trị hàm nhiều biến, phép tính vi phân - tích phân của hàm hai biến; giải phương trình vi phân cấp 1 và 2; các kiến thức về lý thuyết chuỗi: dấu hiệu hội tụ của chuỗi dương, chuỗi hàm, chuỗi lũy thừa.	3(3,0,6)	
7	Lý thuyết xác suất và thống kê toán	- <i>Điều kiện tiên quyết:</i> Toán cao cấp - Trang bị cho sinh viên các kiến thức cơ bản của lý thuyết XSTK về phép thử, biến cố, XS của biến cố, biến ngẫu nhiên và các tham số đặc trưng, các quy luật phân phối XS, biến ngẫu nhiên hai chiều, cơ sở lý thuyết mẫu, ước lượng điểm và khoảng, kiểm định giả thuyết thống kê, hồi quy và tương quan.	(3,0,6)	
8	Tin học đại cương	Cung cấp cho sinh viên các kiến thức tổng quan về hệ thống máy tính, hiểu chức năng của các thành phần trong hệ thống máy tính, phân loại được các hệ điều hành và thao tác tốt trên hệ điều hành Windows 7... Soạn thảo được văn bản trên phần mềm Microsoft Word 2010, biết cách tạo một bài báo cáo trên phần mềm Power point 2010, biết khai thác và sử dụng các dịch vụ trên Internet.	3(2,1,5)	
9	Kinh tế môi trường	Trang bị những phương pháp kinh tế học cơ bản dùng để phân tích các vấn đề môi trường dựa trên quan điểm hiệu quả trong	2(2,0,4)	

STT/ mã HP	Học phần	Nội dung cần đạt được của từng học phần (tóm tắt)	Khối lượng kiến thức (LT/TH/Tự học)	Ghi chú
		sử dụng tài nguyên môi trường cho phát triển hiệu quả và bền vững.		
1.3. Khoa học xã hội				
10	Pháp luật đại cương	Pháp luật đại cương là môn khoa học pháp lý cơ sở, cung cấp những kiến thức cơ bản về nhà nước và pháp luật nhằm hình thành tư duy và phương pháp nhận thức khoa học đúng đắn về tất cả những vấn đề của nhà nước và pháp luật. Nội dung chủ yếu của môn học này gồm các vấn đề: nguồn gốc, bản chất, chức năng, bộ máy, hình thức của nhà nước; nhà nước trong hệ thống chính trị; nhà nước pháp quyền; nguồn gốc, bản chất, chức năng, hình thức của pháp luật; quy phạm pháp luật; hệ thống pháp luật; quan hệ pháp luật; thực hiện pháp luật; vi phạm pháp luật và trách nhiệm pháp lý; ý thức pháp luật; pháp chế.	2(2,0,4)	
11	Tâm lý học đại cương	- Giúp người học nắm được những khái niệm cơ bản về tâm lý học đại cương và lý thuyết cơ bản của những học thuyết khác nhau nhằm giải thích đầy đủ các khái niệm tâm lý học. Thông qua việc tiếp nhận những tri thức tâm lý cũng như những lý giải khoa học về các hiện tượng tâm lý, người học sẽ nhận thức được Tâm lý học là một ngành khoa học có khả năng ứng dụng rộng rãi vào đời sống đặc biệt là trong hoạt động quản lý doanh nghiệp, quản trị nguồn nhân lực và trong giao tiếp xã hội. - Kiến thức trong học phần này sẽ là cơ sở nền tảng giúp sinh viên có thể tiếp thu các học phần sau bao gồm tâm lý quản lý	2(2,0,4)	
Các môn tự chọn (Chọn 1 trong 2 môn)				
12	Kỹ năng giao tiếp và đàm phán	SV được trang bị những vấn đề lý luận cơ bản về giao tiếp, đặc biệt là giao tiếp trong kinh doanh. Sinh viên nhận thức đúng về tầm quan trọng, vai trò của giao tiếp trong kinh doanh.	2(2,0,4)	
13	Đạo đức kinh doanh và văn hóa DN	- Học phần Văn hoá doanh nghiệp đạo đức kinh doanh và văn hoá doanh nghiệp nhằm giúp cho sinh viên hiểu một cách hệ thống về bản chất và vai trò của đạo đức và văn hoá kinh doanh trong các doanh	2(2,0,4)	

STT/ mã HP	Học phần	Nội dung cần đạt được của từng học phần (tóm tắt)	Khối lượng kiến thức (LT/TH/Tự học)	Ghi chú
		<p>ngành hoạt động trong môi trường kinh doanh năng động. Học phần không chỉ đề cập tới những khái niệm căn bản về văn hoá và đạo đức kinh doanh mà các khái niệm này sẽ được phân tích trong mối liên hệ với các hoạt động và vấn đề quan trọng khác trong quản trị doanh nghiệp như: chiến lược, nhân lực, thương hiệu và lợi thế cạnh tranh của doanh nghiệp. Từ đó, người học có được cái nhìn tổng thể và hệ thống về văn hoá doanh nghiệp và đạo đức kinh doanh.</p>		
1.4. Ngoại ngữ				
14	Tiếng Anh CB1	Nắm được cách sử dụng động từ to be và với động từ thường, thì hiện tại đơn, thì quá khứ đơn, danh từ đếm được và danh từ không đếm được, đại từ chỉ định, trợ từ khuyết thiếu. Bên cạnh đó sinh viên phải hoàn thành các dạng bài tập trong sách học và sách bài tập. Ngoài ra cần phải nắm vững cách sử dụng đại từ sở hữu, đại từ nhân xưng, trạng từ và tính từ và động từ nguyên thể...	3(3,0,6)	
	Tiếng Nhật CB1	<ul style="list-style-type: none"> - Kiến thức nhập môn về chữ viết, phát âm tiếng Nhật - Sử dụng cách nói lịch sự - Chương trình tiếng Nhật Cơ bản 1 trang bị cho sinh viên khoảng 250 từ vựng cơ bản mức độ sơ cấp gắn với những đề tài gần gũi, thiết thực trong cuộc sống, học tập và cung cấp cho sinh viên khoảng 30 mẫu ngữ pháp, 30 chữ Hán đơn giản. 	3(3,0,6)	
15	Tiếng Anh CB2	Nắm được cách sử dụng thì hiện tại tiếp diễn, và thì hiện tại hoàn thành, cách sử dụng tính từ so sánh hơn, hơn nhất và cách sử dụng động từ chỉ mục đích, lượng từ ... Bên cạnh đó sinh viên phải hoàn thành các dạng bài tập trong sách học và sách bài tập. Ngoài ra cần phải nắm vững cách sử dụng đại từ sở hữu, trạng từ và tính từ và động từ nguyên thể chỉ mục đích	4(4,0,8)	
	Tiếng Nhật CB2	<ul style="list-style-type: none"> - Sử dụng cách nói lịch sự - Chương trình tiếng Nhật Cơ bản 1 trang bị cho sinh viên khoảng 300 từ vựng cơ bản mức độ sơ cấp gắn với những đề tài 	4(4,0,8)	

STT/ mã HP	Học phần	Nội dung cần đạt được của từng học phần (tóm tắt)	Khối lượng kiến thức (LT/TH/Tự học)	Ghi chú
		gần gũi, thiết thực trong cuộc sống học tập và cung cấp cho sinh viên khoảng 40 mẫu ngữ pháp, 40 chữ Hán đơn giản		
1.5. Giáo dục thể chất và giáo dục quốc phòng				
16	Giáo dục thể chất 1	<p>- Cung cấp cho sinh viên các kiến thức lý luận cơ bản về Lịch sử hình thành, phát triển của thể dục thể thao thế giới và Việt Nam; những khái niệm cơ bản về sức khỏe, thể chất và thể dục thể thao; vị trí, vai trò, ý nghĩa tác dụng của thể dục thể thao trong xã hội và trường học; các phương tiện, phương pháp, nguyên tắc tập luyện thể dục thể thao; kiến thức cơ bản về phòng ngừa chấn thương và sơ cứu; luật, trọng tài và tổ chức thi đấu các môn thể dục thể thao.</p> <p>- Trang bị Kiến thức, kỹ năng thực hành các môn thể dục, điền kinh, bơi lội..., phù hợp với đặc điểm và tính chất ngành nghề đào tạo; luật, trọng tài, phương pháp tổ chức thi đấu; phương pháp tự tập luyện và rèn luyện thể chất, sức khỏe.</p>	1(0,1,1)	
17	Giáo dục thể chất 2	<p>- Cung cấp cho sinh viên nguyên lý kỹ thuật các môn Điền kinh, kỹ thuật các môn chạy cự ly ngắn, cự ly trung bình và cự ly dài, các phương tiện, phương pháp, nguyên tắc tập luyện thể dục thể thao; kiến thức cơ bản về phòng ngừa chấn thương và sơ cứu; luật, trọng tài và tổ chức thi đấu các môn thể dục thể thao.</p> <p>- Trang bị Kiến thức, kỹ năng thực hành các môn điền kinh, phù hợp với đặc điểm và tính chất ngành nghề đào tạo; luật, trọng tài, phương pháp tổ chức thi đấu; phương pháp tự tập luyện và rèn luyện thể chất, sức khỏe.</p>	1(0,1,1)	
18	Giáo dục thể chất 3	<p>- Hướng dẫn cho sinh viên kỹ thuật môn Bóng chuyền, nguyên tắc tập luyện thể dục thể thao; kiến thức cơ bản về phòng ngừa chấn thương và sơ cứu; luật, trọng tài và tổ chức thi đấu các môn thể dục thể thao.</p> <p>- Trang bị Kiến thức, kỹ năng thực hành các môn điền kinh, phù hợp với đặc điểm và tính chất ngành nghề đào tạo; luật,</p>	1(0,1,1)	

STT/ mã HP	Học phần	Nội dung cần đạt được của từng học phần (tóm tắt)	Khối lượng kiến thức (LT/TH/Tự học)	Ghi chú
		trọng tài, phương pháp tổ chức thi đấu; phương pháp tự tập luyện và rèn luyện thể chất, sức khỏe.		
19	Giáo dục quốc phòng	<p>- Trang bị cho sinh viên kiến thức cơ bản về đường lối quân sự, công tác quốc phòng, an ninh của Đảng và Nhà nước; những kỹ năng quân sự, an ninh cần thiết nhằm đáp ứng yêu cầu xây dựng, củng cố lực lượng vũ trang nhân dân, sẵn sàng tham gia lực lượng dân quân tự vệ, dự bị động viên và làm nghĩa vụ quân sự, giữ gìn trật tự, an toàn xã hội, sẵn sàng bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.</p> <p>- Có kiến thức cơ bản về đường lối quân sự của Đảng trong sự nghiệp bảo vệ Tổ quốc; các quan điểm của Đảng về xây dựng nền quốc phòng toàn dân, chiến tranh nhân dân, an ninh nhân dân; đấu tranh, phòng chống chiến lược “diễn biến hòa bình” bạo loạn lật đổ của các thế lực thù địch với cách mạng Việt Nam trong tình hình mới.</p>	8(5,3,13)	
2. Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp				
2.1. Kiến thức cơ sở khối ngành				
20	Kinh tế vi mô	<p>- Điều kiện tiên quyết: Triết học Mác-Lênin, Kinh tế chính trị Mác-Lênin</p> <p>- Trang bị cho người học những kiến thức lý luận cơ bản về kinh tế học vi mô xét trên góc độ phân tích thị trường và hành vi của người tiêu dùng, hành vi của doanh nghiệp tham gia trên các thị trường đầu vào và đầu ra. Xác định vai trò của Chính phủ trong việc điều tiết thị trường.</p> <p>- Người học biết dựa vào kiến thức cơ bản để phân tích, đánh giá hành vi ứng xử của người tiêu dùng trên thị trường. Phân tích đánh giá hoạt động của doanh nghiệp trong kinh doanh từ đó có những đóng góp, xây dựng các chính sách quản lý kinh tế vi mô cho chính phủ, nhằm nâng cao hiệu quả kinh doanh của các doanh nghiệp.</p> <p>- Biết phân tích và đánh giá về hành vi ứng xử của người tiêu dùng trên thị trường để có những chiến lược marketing mang lại</p>	3(3,0,6)	

STT/ mã HP	Học phần	Nội dung cần đạt được của từng học phần (tóm tắt)	Khối lượng kiến thức (LT/TH/Tự học)	Ghi chú
		hiệu quả kinh doanh cho doanh nghiệp		
21	Kinh tế vĩ mô	<ul style="list-style-type: none"> - Điều kiện tiên quyết: Kinh tế vi mô - Mục tiêu chủ yếu của học phần này là giới thiệu những nguyên lý cơ bản của kinh tế vĩ mô, giới thiệu các mô hình kinh tế vĩ mô cơ bản để giúp sinh viên hiểu được sự vận hành của nền kinh tế tổng thể. Sinh viên sẽ được giới thiệu các nguyên lý cơ bản của hạch toán thu nhập quốc dân, các nhân tố quyết định sản lượng, lạm phát và thất nghiệp, lãi suất, tỷ giá hối đoái, cũng như những nguyên lý ban đầu về các chính sách kinh tế vĩ mô. - Việc xây dựng các mô hình kinh tế đơn giản sẽ giúp chúng ta nghiên cứu trạng thái của nền kinh tế trong dài hạn, và cuối cùng là nghiên cứu kinh tế trong ngắn hạn. 	3(3,0,6)	
2.2. Kiến thức cơ sở của ngành				
22	Kinh tế lượng	<ul style="list-style-type: none"> - Điều kiện tiên quyết: Toán kinh tế - Các nội dung chủ yếu gồm: xây dựng và ước lượng mô hình hồi qui hai biến; hồi qui bội; hồi qui với biến giả, và các vấn đề về hiệu chỉnh mô hình như đa cộng tuyến, phương sai của sai số thay đổi; tự tương quan; chọn mô hình và kiểm định việc định dạng mô hình; cách thức vận dụng các công cụ phân tích định lượng vào một số vấn đề kinh tế, quản trị kinh doanh cơ bản trên cơ sở sử dụng phần mềm chuyên dùng (Eviews) và cơ sở dữ liệu của Việt Nam. 	2(2,0,4)	
23	Nguyên lý thống kê	<ul style="list-style-type: none"> - Điều kiện tiên quyết: Xác suất và thống kê - Học phần này giới thiệu những vấn đề cơ bản về thống kê, qui trình nghiên cứu thống kê và các phương pháp thống kê sử dụng trong nghiên cứu các hiện tượng kinh tế - xã hội. - Cung cấp một cách có hệ thống các phương pháp điều tra thống kê bao gồm việc thu thập thông tin ban đầu về các hiện tượng kinh tế - xã hội và việc xử lý các thông tin đã thu thập. Trang bị các phương pháp phân tích kinh tế - xã hội làm cơ sở cho dự đoán các mức độ của hiện tượng 	3(3,0,6)	

STT/ mã HP	Học phần	Nội dung cần đạt được của từng học phần (tóm tắt)	Khối lượng kiến thức (LT/TH/Tự học)	Ghi chú
		<p>trong tương lai nhằm giúp cho các quyết định trong quản lý kinh tế.</p> <p>- Trang bị cho sinh viên kiến thức tổng quát, rèn luyện tư duy khoa học suy luận mang tính định lượng, làm nền tảng cho việc tiếp cận các học phần có liên quan đến nghiên cứu khoa học.</p>		
24	Lý thuyết tài chính tiền tệ	<p>- Kiến thức: Giúp cho người học có những kiến thức lý luận cơ bản về tài chính, tiền tệ, tín dụng và ngân hàng trong nền kinh tế thị trường, làm nền tảng ứng dụng và nghiên cứu các môn nghiệp vụ ứng dụng và nghiên cứu các môn nghiệp vụ thuộc chuyên ngành quản trị kinh doanh, kế toán, tài chính.</p> <p>- Kỹ năng: Trang bị cho người học phương pháp cơ bản để tìm hiểu, phân tích, đánh giá các vấn đề liên quan đến tài chính, tiền tệ.</p>	2(2,0,4)	
25	Toán kinh tế	<p>- Điều kiện tiên quyết: Toán cao cấp</p> <p>- Trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản của Toán kinh tế để ứng dụng trong thực tiễn cuộc sống nghề nghiệp và học tập các môn học khác như kiến thức về thuật toán đơn hình và thuật toán thể vị, bài toán đối ngẫu và thuật toán đối ngẫu, mô hình toán kinh tế, lý thuyết đồ thị và sơ đồ mạng lưới</p>	3(3,0,6)	
26	Luật kinh tế	<p>- Điều kiện tiên quyết: Pháp luật đại cương</p> <p>- Môn học nhằm trang bị cho sinh viên những kiến thức và kỹ năng sau:</p> <p>1/ Hiểu rõ các khái niệm và lý thuyết cơ bản về Luật Cạnh tranh và vai trò của Luật Cạnh tranh trong nền kinh tế thị trường.</p> <p>2/ Hiểu rõ các hành vi lạm dụng vị trí thống lĩnh thị trường, vị trí độc quyền để hạn chế cạnh tranh, nhằm phòng tránh và bảo vệ quyền lợi cho các doanh nghiệp trong hoạt động kinh doanh.</p> <p>3/ Hiểu rõ các hành vi cạnh tranh không lành mạnh để có thái độ thận trọng trong hoạt động kinh doanh và vận dụng được chế định này khi cần thiết</p> <p>4/ Hiểu rõ cách thức giải quyết các tranh</p>	2(2,0,4)	

STT/ mã HP	Học phần	Nội dung cần đạt được của từng học phần (tóm tắt)	Khối lượng kiến thức (LT/TH/Tự học)	Ghi chú
		chấp và yêu cầu phát sinh liên quan đến chống hạn chế cạnh tranh và chống cạnh tranh không lành mạnh trong hoạt động kinh doanh.		
2.3. Kiến thức ngành				
27	Marketing căn bản	<ul style="list-style-type: none"> - Điều kiện tiên quyết: Kinh tế vi mô - Học phần cung cấp những hiểu biết và kiến thức căn bản về những nguyên lý Marketing và sự vận dụng nó vào thực tiễn kinh doanh. Trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về quản trị hoạt động kinh doanh của các tổ chức kinh doanh hoạt động trong nền kinh tế thị trường. Những lý luận cơ bản về marketing truyền thống và marketing hiện đại, về thị trường và hành vi khách hàng để từ đó biết cách phân đoạn và lựa chọn thị trường mục tiêu, thực hiện các chương trình Marketing Mix có hiệu quả nhất. - Cung cấp cho sinh viên ngành kinh tế các kiến thức cơ bản về marketing trong điều kiện Việt Nam đang hội nhập sâu vào nền kinh tế của khu vực và thế giới. - Sau khi học xong, sinh viên có khả năng theo học các môn học khác như: Nghiên cứu marketing, quản trị marketing, quản trị chiến lược, quản trị bán hàng, quản trị thương hiệu, quảng cáo... 	3(3,0,6)	
28	Hệ thống thông tin quản lý	Trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản nhất về thông tin, thông tin kinh tế, hệ thống thông tin, hệ thống thông tin kinh tế, hệ thống thông tin quản lý. Xác định rõ khi nào cần phân tích và thiết kế một hệ thống mới. Phương pháp phân tích, thiết kế hệ thống sao cho hiệu quả. Chuẩn hóa được một cơ sở dữ liệu sao cho không dư thừa dữ liệu. Xác định được hiệu quả kinh tế của HTTTQL. Tìm hiểu một số HTTT trong kinh tế và thương mại.	3(3,0,6)	
29	Kinh tế quốc tế	<ul style="list-style-type: none"> - Điều kiện tiên quyết: Kinh tế vĩ mô - Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức về các lý thuyết thương mại từ cổ điển đến hiện đại, trong đó có phân tích cơ sở và lợi ích của thương mại quốc tế. - Học phần Kinh tế quốc tế trang bị cho 	3(3,0,6)	

STT/ mã HP	Học phần	Nội dung cần đạt được của từng học phần (tóm tắt)	Khối lượng kiến thức (LT/TH/Tự học)	Ghi chú
		<p>sinh viên kiến thức cơ bản về kinh tế học quốc tế, bao gồm lý thuyết và chính sách thương mại quốc tế, đầu tư quốc tế và xuất nhập khẩu lao động, những vấn đề về liên kết và hội nhập kinh tế quốc tế. Cung cấp cho sinh viên những kiến thức về di chuyển các yếu tố sản xuất như vốn và lao động trên qui mô quốc tế.</p> <p>- Trên cơ sở đó sinh viên có thể vận dụng kiến thức của môn học này để tiếp tục học các môn học khác như: kinh tế đối ngoại, kinh doanh quốc tế, tài chính quốc tế, thanh toán quốc tế.</p> <p>- Sau khi học xong sinh viên có cơ sở lý luận, khoa học để hiểu, phân tích thực chất của thương mại giữa Việt Nam và các nước trên thế giới, đánh giá xu hướng thương mại quốc tế ngày nay, lợi ích của liên kết kinh tế quốc tế khu vực, toàn cầu.</p>		
30	Kinh tế công cộng	Trang bị cho người học những kiến thức lý luận cơ bản về vai trò của Chính phủ trong nền kinh tế thị trường thông qua việc phân bổ lại nguồn lực, phân phối lại thu nhập, ổn định kinh tế vĩ mô và các công cụ mà Chính phủ sử dụng để can thiệp vào nền kinh tế.	3(3,0,6)	
31	Tâm lý học quản lý	Môn Tâm lý học quản lý kinh tế giúp sinh viên các kiến thức cơ bản có hệ thống về tâm lý sử dụng trong quản lý kinh tế.	2(2,0,4)	
Các môn tự chọn (Chọn 1 trong 2 môn)				
32	Thuế Nhà nước	<ul style="list-style-type: none"> - Điều kiện tiên quyết: Nguyên lý kế toán - Mục tiêu của môn học này là nhằm cung cấp cho sinh viên những kiến thức chung về thuế và nội dung của các Luật thuế hiện hành ở Việt Nam để từ đó hiểu rõ các phương thức thu thuế hay xác định mức thuế hiện nay của nhà nước. Môn học đề cập đến việc huy động nguồn nhân lực Nhà nước thông qua thuế bao gồm thuế thu nhập, thuế tài sản, thuế tiêu dùng cũng như các khoản thu phí. Môn học chú trọng đến việc sử dụng các lý thuyết về thuế và ứng dụng để xác định đánh giá tác động của chính sách thuế - Quản lý và xác định rõ các nguồn thu, 	2(2,0,4)	

STT/ mã HP	Học phần	Nội dung cần đạt được của từng học phần (tóm tắt)	Khối lượng kiến thức (LT/TH/Tự học)	Ghi chú
		chi các cách tiếp cận với mức thuế phù hợp để có thể vận dụng linh hoạt vào thực tế kinh doanh của các doanh nghiệp.		
33	Thị trường chứng khoán	<ul style="list-style-type: none"> - Điều kiện tiên quyết: Tài chính tiền tệ - Giúp sinh viên lĩnh hội được các kiến thức cơ bản về chứng khoán và thị trường chứng khoán. + Tổng quan về thị trường chứng khoán + Chứng khoán + Thị trường chứng khoán sơ cấp + Sở giao dịch chứng khoán + Giao dịch chứng khoán tại sở giao dịch chứng khoán + Thị trường chứng khoán phi tập trung (OTC) + Công ty chứng khoán + Tổ chức hoạt động của quỹ đầu tư + Hệ thống lưu ký, đăng ký, thanh toán bù trừ chứng khoán 	2(2,0,4)	
2.4. Kiến thức chuyên ngành				
34	Khoa học quản lý học phần 1	Trang bị cho người học hệ thống tri thức liên quan đến bản chất của quản lý; các phẩm chất, năng lực cần có của người quản lý; các yếu tố trong môi trường quản lý, các nguyên tắc và phương pháp quản lý cơ bản.	4(4,0,8)	
35	Khoa học quản lý học phần 2	Trang bị cho sinh viên những kiến thức khoa học, cơ bản nhất của một nhà quản lý trên bất kỳ vị trí công tác, lãnh đạo nào trong các việc: Lập kế hoạch và ra quyết định quản lý, các chức năng tổ chức, kiểm tra, lãnh đạo, quản lý sử dụng các thông tin trong quản lý.	4(4,0,8)	
36	Quản lý nhà nước về kinh tế	Trang bị cho sinh viên những kiến thức về quy luật kinh tế và các nguyên tắc cơ bản, các công cụ hay phương pháp quản lý có tính hệ thống của quản lý Nhà nước về kinh tế để từ đó có phương pháp quản lý hiệu quả trong từng lĩnh vực của nền kinh tế quốc dân.	4(4,0,8)	
37	Chính sách kinh tế xã hội	Trang bị kiến thức cơ bản về chính sách kinh tế - xã hội và phân tích chính sách kinh tế xã hội; Giúp người học có kỹ năng phân tích, tổng hợp và đánh giá những chính sách kinh tế - xã hội ở nước ta hiện	4(4,0,8)	

STT/ mã HP	Học phần	Nội dung cần đạt được của từng học phần (tóm tắt)	Khối lượng kiến thức (LT/TH/Tự học)	Ghi chú
		nay, có khả năng tham gia hoạch định và tổ chức thực hiện chính sách kinh tế - xã hội		
38	Kinh tế phát triển	Trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về tăng trưởng kinh tế, cải thiện các vấn đề xã hội cũng như các vấn đề về môi trường ở các nước đang phát triển.	3(3,0,6)	
39	Kinh tế đầu tư	Trang bị cho sinh viên kiến thức cơ bản về kinh tế đầu tư bao gồm lý thuyết về đầu tư phát triển, quản lý và kế hoạch hóa đầu tư, các phương pháp lập và thẩm định dự án đầu tư	3(3,0,6)	
40	Kỹ năng quản lý và làm việc nhóm	Trang bị cho sinh viên kiến thức tổng kê tổng quát, rèn luyện tư duy khoa học suy luận mang tính định lượng, làm nền tảng cho việc tiếp cận các học phần có liên quan đến nghiên cứu khoa học.	3(3,0,6)	
41	Chuyên đề thực tế	Nắm vững kiến thức cơ bản nhất về quản lý kinh tế, phương pháp tiếp cận và nắm bắt các vấn đề kinh tế; Biết cách tổng hợp báo cáo và phân tích về các vấn đề kinh tế thực tế phát sinh tại các cơ sở thực tế; Biết cách đánh giá, nhìn nhận và đưa ra các giải pháp đề giải quyết các vấn đề kinh tế.	2(0,2,2)	
Các môn tự chọn (Chọn 1 trong 2 môn)				
42	Chiến lược phát triển KT-XH	<ul style="list-style-type: none"> + Người học nắm được những vấn đề lý luận cơ bản về chiến lược phát triển kinh tế xã hội, các quan niệm về phát triển kinh tế xã hội. + Người học nắm được các kiến thức thực trạng kinh tế xã hội Việt Nam khi bước vào thực hiện chiến lược, bối cảnh trong nước và quốc tế những cơ hội và thách thức trong thời kỳ chiến lược. + Người học nắm được hệ thống các quan điểm, mục tiêu của chiến lược kinh tế - xã hội. + Nhận thức được tầm quan trọng của cơ cấu kinh tế trong việc thực hiện chiến lược kinh tế - xã hội. Đưa ra sự lựa chọn cơ cấu kinh tế trong chiến lược, định hướng phát triển các ngành, các lĩnh vực, các vùng kinh tế trong cơ cấu kinh tế + Người học nắm được kiến thức về cơ chế quản lý kinh tế, các chính sách biện 	2(2,0,4)	

STT/ mã HP	Học phần	Nội dung cần đạt được của từng học phần (tóm tắt)	Khối lượng kiến thức (LT/TH/Tự học)	Ghi chú
		pháp trong chiến lược kinh tế xã hội.		
43	Quản lý HC Công	Môn học trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về quản lý hành chính công nói chung, quản lý hành chính công trong lĩnh vực kinh tế, tài chính tiền tệ nói riêng. Môn học cũng cung cấp những kiến thức cơ bản về công nghệ hành chính cũng như giúp sinh viên nắm được quá trình cải cách hành chính công ở nước ta hiện nay.	2(2,0,4)	
2.5. Kiến thức bổ trợ của ngành				
44	Tiếng Anh CN	- Điều kiện tiên quyết: Tiếng anh cơ bản 1,2 + củng cố kiến thức và kỹ năng thực hành tiếng cơ bản mà sinh viên đã học được ở các cấp độ trước. + Sinh viên sẽ được trang bị vốn kiến thức về từ vựng, ngữ pháp, theo một hệ thống chủ điểm gắn liền với thực tế công việc sau này, lĩnh vực làm việc quản trị kinh doanh. Chuẩn bị cho sinh viên vào học các môn chuyên ngành bằng tiếng Anh.	3(3,0,6)	
	Tiếng Nhật NC	- Sử dụng cách nói lịch sự. - Chương trình tiếng Nhật NC trang bị cho sinh viên khoảng 300 từ vựng cơ bản mức độ sơ cấp gắn với những đề tài gần gũi, thiết thực trong cuộc sống học tập và cung cấp cho sinh viên khoảng 40 mẫu ngữ pháp, 40 chữ Hán đơn giản.	3(3,0,6)	
45	Nguyên lý kế toán	- Điều kiện tiên quyết: Tài chính tiền tệ - Học phần trang bị những kiến thức nền tảng về kế toán, phục vụ cho việc nghiên cứu và học tập các môn thuộc chuyên ngành kế toán: + Bản chất, chức năng, vai trò của hạch toán kế toán; nhiệm vụ, yêu cầu, các quy định và các nguyên tắc cơ bản của hạch toán kế toán. Đối tượng nghiên cứu của kế toán; phân loại được tài sản, nguồn hình thành tài sản của đơn vị hạch toán kế toán. Trang bị những kiến thức cơ bản về phương pháp chứng từ kế toán, phương pháp tài khoản kế toán, phương pháp tính giá và phương pháp tổng hợp - cân đối kế toán để nghiên cứu đối tượng của hạch toán kế toán. Sử dụng các phương pháp kế	2(2,0,4)	

STT/ mã HP	Học phần	Nội dung cần đạt được của từng học phần (tóm tắt)	Khối lượng kiến thức (LT/TH/Tự học)	Ghi chú
		toán để thực hành ghi chép các nghiệp vụ kinh tế phát sinh bằng các định khoản, vào tài khoản chữ T, lập bảng cân đối tài khoản và lập bảng cân đối kế toán.. Vận dụng kiến thức để hỗ trợ cho các môn học chuyên ngành và ứng dụng có hiệu quả vào hoạt động thực tiễn sau này.		
46	Tin ứng dụng	<ul style="list-style-type: none"> - Điều kiện tiên quyết: Tin học đại cương - Trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản nhất về hệ thống thông tin kế toán; - Sinh viên có thể nắm những nguyên lý cơ bản khi xây dựng hệ thống thông tin kế toán trong doanh nghiệp; - Sinh viên có thể nắm những nguyên lý cơ bản về việc sử dụng những phần mềm kế toán khác nhau; - Sinh viên thực hành và vận dụng được phần mềm kế toán. 	3(2,1,5)	
47	Phương pháp nghiên cứu trong QLKT	Nắm vững kiến thức cơ bản nhất về khoa học, nghiên cứu khoa học và phương pháp nghiên cứu khoa học.	2(2,0,4)	
48	Quản lý tài chính công	Trang bị cho sinh viên các kiến thức cơ bản về tài chính công và vai trò của tài chính công trong nền kinh tế, bao gồm cơ sở lý thuyết cho sự can thiệp của nhà nước do sự mất trái của kinh tế thị trường và phân phối không công bằng	2(2,0,4)	
49	Quản trị dự án đầu tư	<ul style="list-style-type: none"> - Điều kiện tiên quyết : Toán kinh tế - Môn học này cung cấp kiến thức cơ bản về dự án đầu tư như tổng quan về dự án đầu tư; quá trình lập một dự án đầu tư (phân tích kỹ thuật công nghệ, phân tích tài chính, phân tích kinh tế – xã hội và môi trường của dự án đầu tư). Thẩm định một dự án đầu tư (cơ sở pháp lý, phương pháp và kỹ thuật thẩm định). Quản lý dự án đầu tư (nội dung, phương pháp, quản lý thời gian, tiến độ, phân phối nguồn lực, quản lý chất lượng và rủi ro của dự án.. Môn học này trang bị những kỹ thuật cơ bản để quản lý tốt tiến độ thực hiện dự án cũng như phân phối hợp lý các nguồn lực trong điều kiện hạn chế. 	3(3,0,6)	

STT/ mã HP	Học phần	Nội dung cần đạt được của từng học phần (tóm tắt)	Khối lượng kiến thức (LT/TH/Tự học)	Ghi chú
Các môn tự chọn (Chọn 1 trong 2 môn)				
50	Địa lý kinh tế Việt Nam	Nhằm cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về các nguồn lực phát triển và phương pháp đánh giá mặt tích cực và tiêu cực của các nguồn lực phát triển kinh tế - xã hội. Cung cấp cho sinh viên những kiến thức về cơ sở lý luận tổ chức không gian kinh tế - xã hội và vận dụng những kiến thức này vào tổ chức lãnh thổ kinh tế - xã hội ở Việt Nam.	2(2,0,4)	
51	Dân số và phát triển	Trang bị cho người học những kiến thức lý luận cơ bản về dân số, gia tăng dân số, sự tác động của quy mô, cơ cấu dân số đến quy mô, cơ cấu của sản xuất. Những hiểu biết về sự vận động biến đổi của các quá trình, các kết quả dân số và đặt lồng ghép nó trong mối quan hệ tác động qua lại với các biến số phát triển.	2(2,0,4)	
3. Thực tập cuối khoá và khóa luận tốt nghiệp				
52	Thực tập cuối khoá	Trang bị cho sinh viên những kiến thức lý luận và thực tiễn, thông qua thực tế hoạt động của các cơ quan quản lý nhà nước, các tổ chức kinh tế, các doanh nghiệp ... để nâng cao nhận thức, nâng cao năng lực tự thực hành. Giúp sinh viên rèn luyện ý thức kỷ luật, tự giác, độc lập, tự chủ, sáng tạo trong việc vận dụng những kiến thức đã học vào giải quyết các vấn đề cụ thể xảy ra trong các đơn vị .	5(0,5,5)	
53	Làm KLTN (hoặc học một số học phần chuyên môn)	Tạo điều kiện cho sinh viên khá giỏi và có điều kiện và cơ hội nâng cao các khối kiến thức và kỹ năng đã được trang bị tại trường và phát huy sở trường của mình trong công trình nghiên cứu khoa học.	7(0,7,7)	
Học phần thay thế Khóa luận tốt nghiệp				
53a	Kinh tế nguồn nhân lực	Trang bị cho người học những kiến thức lý luận cơ bản về nhu cầu đào tạo nguồn nhân lực cao cũng như nhu cầu quản lý nguồn nhân lực Giúp sinh viên nắm được các nhân tố ảnh hưởng đến tiền lương và chính sách tiền lương trong, chính sách giảm nghèo.	2(2,0,4)	

STT/ mã HP	Học phần	Nội dung cần đạt được của từng học phần (tóm tắt)	Khối lượng kiến thức (LT/TH/Tự học)	Ghi chú
53b	Kinh tế thương mại dịch vụ	Trang bị cho sinh viên những kiến thức căn bản nhất về Kinh tế thương mại dịch vụ. Những khái niệm, phạm trù, nguyên lý, những quy luật là những vấn đề chung và có tính phổ biến cho mọi nước, mọi nền kinh tế, và nghiên cứu những vấn đề cơ bản nhất và đặc thù của kinh tế thương mại Việt Nam trong giai đoạn chuyển đổi từ nền kinh tế kế hoạch hóa tập trung sang nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa.	3(3,0,6)	
53c	Kỹ năng lãnh đạo và ra quyết định	Môn học nhằm trang bị các kiến thức cơ bản và kỹ năng lãnh đạo hiệu quả với các nội dung về vai trò của lãnh đạo trong phát triển chiến lược, chỉ đạo thực hiện; quan hệ giao tiếp trong tổ chức.	2(2,0,4)	

9. Tiến trình đào tạo

TIẾN TRÌNH ĐÀO TẠO NGÀNH KINH TẾ - CHUYÊN NGÀNH QUẢN LÝ KINH TẾ ĐỐI TƯỢNG ĐẠI HỌC CHÍNH QUY (ÁP DỤNG ĐỐI VỚI KHÓA 9 TRỞ ĐI)								
	Toán CC (3,3,0)		LTSX TKê (3,3,0)	Nguyên lý TKê (3,3,0)			Thực tập TN (5,0,5)	
				Toán KTế (3,3,0)	Kinh tế lượng (2,2,0)			
	Tâm lý học ĐC (2,2,0)					Tâm lý học QL (2,2,0)	Khóa luận TN (7,0,7)	
		KT vi mô (3,3,0)	KT vĩ mô (3,3,0)		Kinh tế CC (3,3,0)	Kinh tế ĐT (3,3,0)	Quản lý NN về KT (4,4,0)	
	Pháp luật ĐC (2,2,0)	Luật KT (2,2,0)	Kinh tế MT (2,2,0)		Quản trị DABT (3,3,0)			
		LTTCTT (2,2,0)	Nguyên lý KT (2,2,0)	Marketing CB (3,3,0)		Quản lý tài chính công (2,2,0)	Kỹ năng QL&LVN (3,3,0)	
	Triết học Mác-Lênin (3,3,0)	Kinh tế CT Mác-Lênin (2,2,0)	Lịch sử ĐCSVN (2,2,0)		PPNC trong QLKT (2,2,0)	Chuyên đề thực tế (2,0,2)		
		CNXHKH (2,2,0)	Tư tưởng HCM (2,2,0)		Kinh tế PT (3,3,0)	Kinh tế QT (3,3,0)	Chính sách KTXH (4,4,0)	
	Ngoại ngữ 1 (3,3,0)	Ngoại ngữ 2 (4,4,0)		Ngoại ngữ chuyên ngành (3,3,0)				
	Tin học ĐC (3,2,1)			Tin học UD (3,2,1)	Hệ thống TTQL (3,3,0)	Khoa học QL P1 (4,4,0)	Khoa học QL P2 (4,4,0)	
GDQP (8,5,3)	GDC1 (1,0,1)	GDC2 (1,0,1)	GDC3 (1,0,1)					
	Học phần Ngoại ngữ 1 Sinh viên chọn 1/2 môn + Tiếng Anh CB1 + Tiếng Nhật CB1	Học phần Ngoại ngữ 2 Sinh viên chọn 1/2 học phần + Tiếng Anh CB2 + Tiếng Nhật CB2 HP tự chọn (Chọn 1/ 2 HP) + Địa lý kinh tế VN (2,2,0) + Dân số và PT (2,2,0)	HP tự chọn (Chọn 1/2 HP) + Kỹ năng GTDP (2,2,0) + ĐĐKD&VHDN (2,2,0)	Học phần Ngoại ngữ chuyên ngành Sinh viên chọn 1/2 môn + Tiếng Anh CN + Tiếng Nhật nâng cao HP tự chọn (Chọn 1/2 HP) + Thuế NN (2,2,0) + Thị trường CK (2,2,0)			HP tự chọn (Chọn 1/2 HP) + Chiến lược PTKTXH (2,2,0) + Quản lý HCC (2,2,0)	
Tổng: 127	HK1: 16TC	HK2: 17TC	HK3: 16TC	HK4: 17TC	K5: 16TC	HK6: 16TC	HK7: 17TC	HK8: 12TC

Sinh viên không làm khóa luận TN
Lựa chọn thêm 3 HP chuyên môn (7,7,0)
+ Kinh tế NNL (2,2,0)
+ Kinh tế TMDV (3,3,0)
+ Kỹ năng LĐ&RQĐ (2,2,0)

10. Hướng dẫn thực hiện:

10.1. Chương trình đào tạo được xây dựng trên cơ sở các văn bản hướng dẫn của Bộ Giáo dục và đào tạo, được bổ sung các môn bổ trợ và tự chọn chuyên ngành.

10.2. Chương trình được thiết kế theo thời gian đào tạo 3 - 4 năm, trong đó học 7 học kỳ, 1 học kỳ thực tập và làm khóa luận tốt nghiệp. Thời gian học tập trong khóa được tính theo tuần, thời gian dạy lý thuyết và thực hành các học phần được tính theo tín chỉ

10.3. Các học phần thuộc nhóm kiến thức giáo dục đại cương là các học phần bắt buộc với các chuyên ngành đào tạo. Các nội dung của học phần này thực hiện theo hướng dẫn của Bộ Giáo dục và đào tạo.

10.4. Tuân thủ lộ trình các học phần, các chương trình học phần cơ sở, cơ bản khác, cũng như các học phần chuyên ngành thực hiện theo kế hoạch xây dựng của các khoa, thông qua Hội đồng khoa học nhà trường.

Học phần được tiến hành theo đề cương học phần đã được phê duyệt và phải cung cấp cho sinh viên trước khi giảng dạy và được lưu tại nhà trường.

Thời gian học phần được bố trí hợp lý theo trình tự thời gian hoàn thành quy trình một cách khoa học của Phòng Đào tạo, Ban Giám hiệu.

Tất cả các học phần đều được tổ chức thi và kiểm tra tương ứng với kế hoạch học. Đào tạo theo hệ thống tín chỉ. Quy chế đào tạo thực hiện theo Quyết định số 17/VBHN-BGDĐT ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo Quy chế đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ. Quyết định số 337/QĐ-ĐHTB ngày 15 tháng 7 năm 2019 của trường Đại học Thái Bình ban hành “Quy chế đào tạo Đại học theo hệ thống tín chỉ tại trường Đại học Thái Bình”.


10.5. Phòng Đào tạo theo dõi các khoa, Bộ môn và các phòng ban trong trường thực hiện hoạt động dạy và học, nghiên cứu và đề xuất điều chỉnh, bổ sung chương trình đào tạo phù hợp với yêu cầu thực tế.

HIỆU TRƯỞNG


 TS. Nguyễn Thị Kim Lý

PHÒNG ĐÀO TẠO

 PHỤ TRÁCH PHÒNG ĐÀO TẠO
 Hoàng Thị Chu Hiền

KHOA

 Phạm Thị Ánh Nguyệt